

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Hùng	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Trần Anh Tuấn	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Văn Tình	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)
Bà Lưu Thị Hồng Tường	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Lê Văn Phong	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là bà Lê Thị Bích Hồng.

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Trung Thành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Trung Thành

Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Số: 364/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2024, từ trang 06 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Không nung Điện Bàn (Công ty con) chưa được kiểm toán. Việc hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Không nung Điện Bàn làm tăng tổng tài sản và tổng nguồn vốn số tiền: 14.211.456.987 đồng, tăng nợ phải trả số tiền: 13.961.800.441 đồng, giảm lợi nhuận sau thuế số tiền: 1.039.658.819 đồng so với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán số liệu của Công ty này, các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được. Do đó, Chúng tôi không đánh giá số liệu Báo cáo tài chính của Công ty này và ảnh hưởng của chúng tới số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Như đã trình bày tại thuyết minh số 11 phần thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023, Công ty đang theo dõi “Chi phí dịch vụ an táng, trông coi bảo vệ và duy trì vệ sinh nghĩa trang nhân dân Quận Hà Đông (quản lý nghĩa trang)” theo Công văn số 43/BQLDA-DA3 ngày 20/01/2020 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng - Ủy Ban Nhân dân (UBND) Quận Hà Đông với số tiền lũy kế đến 31/12/2023 là: 2.159.352.019 đồng. Tuy nhiên, tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa chính thức ký Hợp đồng quản lý nghĩa trang nhân dân Quận Hà Đông với UBND Quận Hà Đông hoặc nhận được công văn xác nhận quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện để bàn giao quản lý nghĩa trang nhân dân về Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng - UBND Quận Hà Đông. Do đó, Chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản chi phí liên quan đến dịch vụ quản lý nghĩa trang công ty đã ghi nhận này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Ngô Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

5215-2021-112-1

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.000.422.519	83.402.487.488
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.182.950.020	5.897.129.920
Tiền	111		21.182.950.020	5.897.129.920
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	15.000.000.000	5.302.600.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	5.302.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.766.010.874	66.991.809.262
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	42.920.227.583	53.702.392.646
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	662.359.558	832.632.342
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.581.096.759	12.682.696.380
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(506.465.810)	(334.704.890)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		108.792.784	108.792.784
Hàng tồn kho	140	11	6.620.229.108	4.841.560.531
Hàng tồn kho	141		6.620.229.108	4.841.560.531
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.431.232.517	369.387.775
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	311.900.312	369.387.775
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.004.550.752	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	114.781.453	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.740.830.840	56.443.341.307
Tài sản cố định	220		54.089.234.030	53.190.623.656
Tài sản cố định hữu hình	221	14	53.626.672.490	53.190.623.656
- Nguyên giá	222		165.461.774.799	155.724.162.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.835.102.309)	(102.533.538.349)
Tài sản cố định vô hình	227	15	462.561.540	-
- Nguyên giá	228		521.575.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.013.460)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.671.398.521	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.671.398.521	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	350.000.000	350.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		350.000.000	350.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.630.198.289	2.902.717.651
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.609.829.185	2.902.717.651
Lợi thế thương mại	269	13	7.020.369.104	-
TỔNG TÀI SẢN	270		163.741.253.359	139.845.828.795

Mẫu số B01-DN/HN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		32.568.294.592	15.676.533.678
Nợ ngắn hạn	310		32.568.294.592	15.676.533.678
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.364.925.200	1.758.699.242
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	381.260.578	373.356.069
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.301.492.961	3.706.339.026
Phải trả người lao động	314		4.441.523.844	3.669.100.589
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		342.200.000	353.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.871.453.044	727.703.424
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	10.864.703.637	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	4.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.000.735.328	1.087.835.328
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.172.958.767	124.169.295.117
Vốn chủ sở hữu	410	21	131.172.958.767	124.169.295.117
Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.879.100.000	47.879.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.879.100.000	47.879.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		61.308.176.276	59.255.610.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.763.867.756	17.034.584.133
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.982.547.841	9.982.547.841
- LNST chưa phân phối năm này	421b		10.781.319.915	7.052.036.292
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.221.814.735	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		163.741.253.359	139.845.828.795

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Giám đốc



Phạm Trung Thành

Mẫu số B02-DN/HN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	156.298.739.927	128.518.051.742
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.298.739.927	128.518.051.742
Giá vốn hàng bán	11	23	133.667.410.130	112.552.861.253
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.631.329.797	15.965.190.489
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.953.666.691	1.493.747.785
Chi phí tài chính	22	25	-	58.531.833
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	58.531.833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.080.240.716	6.797.787.381
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.504.755.772	10.602.619.060
Thu nhập khác	31		4.566	8.666
Chi phí khác	32	28	697.005.443	760.649.360
Lợi nhuận khác	40		(697.000.877)	(760.640.694)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.807.754.895	9.841.978.366
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.093.935.610	2.789.942.074
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.713.819.285	7.052.036.292
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.781.319.915	7.052.036.292
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(67.500.630)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.238	1.429
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.238	1.429

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng



Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Giám đốc

Phạm Trung Thành

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	13.807.754.895	9.841.978.366
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.415.866.660	7.218.880.402
Các khoản dự phòng	03	(3.897.900.000)	(3.200.000.000)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(1.953.639.306)	(1.435.215.952)
Chi phí lãi vay	06	(27.385)	-
Các điều chỉnh khác	07	2.767.961	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.374.822.825	12.425.642.816
Giảm, (tăng) các khoản phải thu	09	13.661.915.868	(29.112.266.450)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(2.052.751.387)	(792.875.330)
(Tăng), giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.119.483.876)	(5.999.046.758)
Giảm chi phí trả trước	12	3.635.294.901	780.184.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.489.942.074)	(1.796.649.815)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	1.965.465.292	3.378.639.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.975.321.549	(21.116.371.511)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.887.360.000)	(43.100.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(35.000.000.000)	(38.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.302.600.000	53.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(11.470.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.355.234.228	1.223.892.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.229.525.772)	4.510.792.992

Mẫu số B03-DN/HN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6.508.307.973	15.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.325.934.000)	(15.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.642.349.650)	(58.531.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(459.975.677)	(58.531.833)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.285.820.100	(16.664.110.352)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	5.897.129.920	22.561.240.272
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	21.182.950.020	5.897.129.920

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng



Giám đốc

Phạm Trung Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07/06/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500332500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/09/2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 05 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 47.897.100.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 31, đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2023 là 416 người (tại 31/12/2022 là 439 người).

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính là: thu gom rác thải, thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn	CN4, Cụm công nghiệp Nam Dương, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	74%	74%	Sản xuất bê tông, xây dựng...

Công ty có Chi nhánh hạch toán độc lập là Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông - Chi nhánh Hội An. Địa chỉ: Trụ sở chính của Chi nhánh hiện đặt tại Tổ 1, Khối Tân Thịnh – Tân Mỹ, đường Lương Thúc Kỳ, phường Cẩm An, Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Công ty liên kết: Không có

Cơ sở đồng kiểm soát: Không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là XX năm (*theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm*).

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại (nếu có)

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh

doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các công ty con và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty và các công ty con ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ đc ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Các tài sản khác	

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 24 tháng.

4.8 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

4.8 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.12 DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.12 DOANH THU (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

4.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.15 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

4.16 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành; Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xem là liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	867.819.845	62.185.471
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.315.130.175	5.834.944.449
Cộng	21.182.950.020	5.897.129.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	15.350.000.000	-	-	5.652.600.000	-	-
- Ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	5.302.600.000	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.000.000.000	-	-	5.302.600.000	-	-
- Dài hạn	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
+ Trái phiếu (**)	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Cộng	15.350.000.000	-	-	5.652.600.000	-	-

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành có kỳ hạn gốc 6 tháng, với lãi suất 4,2%/năm.

(**) Trái phiếu có kỳ hạn là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 10 năm từ ngày 30/07/2020 đến ngày 30/07/2030.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	42.920.227.583	(506.465.810)	53.702.392.646	(334.704.890)
- Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị	5.589.219.693	-	9.961.994.893	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông	19.115.738.178	-	31.545.360.953	-
- Phòng Quản Lý Đô thị Thành phố Hội An	12.907.126.000	-	8.842.160.000	-
- Công ty TNHH MTV An Trung Phước	347.395.922	-	418.253.517	-
- Công ty Cổ phần gạch không nung Điện Bàn	-	-	-	-
- Phải thu của khách hàng khác	4.960.747.790	(506.465.810)	2.934.623.283	(334.704.890)
Cộng	42.920.227.583	(506.465.810)	53.702.392.646	(334.704.890)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	662.359.558	-	832.632.342	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Kim Hưng	381.195.522	-	429.365.522	-
- Công ty Cổ phần chiếu sáng Thủ Đô	100.000.000	-	100.000.000	-
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Tầm Nhìn	-	-	76.404.500	-
- Công ty TNHH Đại lý xăng dầu Cửa Đại	-	-	50.000.000	-
- Các đối tượng khác	181.164.036	-	176.862.320	-
Cộng	662.359.558	-	832.632.342	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.581.096.759	-	12.682.696.380	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3 (cổ tức)	173.258.971	-	473.170.486	-
- Lãi dự thu	3.205.479	-	94.540.274	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	877.500	-	256.949.438	-
- Tạm ứng	185.000.000	-	50.400.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	227.150.000	-	251.818.000	-
- Ông Trần Bá Toàn	9.603.129.414	-	-	-
- Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn	-	-	11.470.000.000	-
- Phải thu khác	388.475.395	-	85.818.182	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.581.096.759	-	12.682.696.380	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Phải thu khách hàng	506.465.810	-	334.704.890	-
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Tân Á tại Hà Nội	3.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH CNA - HTE Việt Nam	3.000.000	-	-	-
+ Viện Bông Lê Hữu Trác	96.100.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội	185.200.000	-	185.200.000	-
+ Công ty Cổ phần Bia Kim Bài	5.200.000	-	5.200.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	37.500.000	-	37.500.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác dịch vụ Ba Đình	13.000.000	-	13.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	25.704.890	-	25.704.890	-
+ BQL dự án KĐT mới Văn Khê- CTCP Sông Đà Thăng Long	68.100.000	-	68.100.000	-
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Sáng Tạo Việt A&C	49.303.800	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đại Thành Đạt	9.184.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Trọng Hoàng	11.173.120	-	-	-
	506.465.810	-	334.704.890	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	854.160.611	-	792.118.738	-
Công cụ, dụng cụ	114.140.690	-	102.240.395	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	5.651.927.807	-	3.947.201.398	-
Cộng	6.620.229.108	-	4.841.560.531	-

(*) Trong đó: Chi phí dịch vụ an táng, trông coi bảo vệ và duy trì vệ sinh nghĩa trang nhân dân quận theo công văn số 43/BQLDA-DA3 ngày 20/01/2020 của Ủy Ban Nhân dân quận Hà Đông số tiền tại 31/12/2023 là: 2.159.352.019 đồng. Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa chính thức ký Hợp đồng quản lý nghĩa trang nhân dân Quận Hà Đông với UBND Quận Hà Đông hoặc nhận được công văn xác nhận quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện để bàn giao quản lý nghĩa trang nhân dân về Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng - UBND Quận Hà Đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	311.900.312	369.387.777
- Công cụ dụng cụ	237.085.896	228.968.191
- Phí đường bộ, bảo hiểm xe phân bổ	74.814.416	140.419.586
Dài hạn	1.609.829.185	2.902.717.649
- Công cụ dụng cụ	1.222.591.978	2.267.973.008
- Chi phí sửa chữa phương tiện vận tải	342.749.279	528.614.113
- Phí đường bộ	44.487.928	11.686.084
- Chi phí chờ phân bổ	-	94.444.444
Cộng	1.921.729.497	3.272.105.426

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	7.800.410.116	7.800.410.116
31/12/2023	7.800.410.116	7.800.410.116
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ		
01/01/2023	-	-
- Phân bổ trong năm	780.041.012	780.041.012
31/12/2023	780.041.012	780.041.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	-	-
31/12/2023	7.020.369.104	7.020.369.104

(*) Lợi thế thương mại phát sinh từ ngày 03/11/2022 khi Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (Công ty mẹ) nắm quyền kiểm soát với Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn (Công ty con). Lợi thế thương mại phản ánh chênh lệch giữa giá phí hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty con và phần sở hữu Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua. Theo đó, tại ngày mua:

Vốn điều lệ của Công ty con là: 12.000.0000.0000 đồng (1)

Giá phí mua công ty con là 11.470.000.000 đồng (2) (tương đương 74% tỷ lệ sở hữu)

Vốn chủ sở hữu của công ty con là: 4.958.905.249 đồng (3)

Tại ngày mua, lợi thế thương mại bằng phần vốn góp của công ty mẹ trừ đi phần sở hữu của công ty mẹ tại công ty con là: (2)- (3)*74% = 7.800.410.116 đồng

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC quy định cụ thể về phương pháp kế toán phân bổ lợi thế thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	45.628.582.235	9.451.953.199	105.955.486.026	679.049.635	155.724.162.005
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	5.545.454.545	445.454.545	-	5.990.909.090
- Mua trong năm	-	42.000.000	3.704.703.704	-	3.746.703.704
31/12/2023	45.628.582.235	15.039.407.744	110.105.644.275	679.049.635	165.461.774.799
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(17.060.165.226)	(3.709.148.374)	(81.168.508.474)	(595.716.275)	(102.533.538.349)
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(1.715.720.733)	(180.390.707)	-	(1.896.111.440)
- Khấu hao trong năm	(1.505.816.592)	(404.035.295)	(5.485.600.637)	(9.999.996)	(7.405.452.520)
31/12/2023	(18.565.981.818)	(5.828.904.402)	(86.834.499.818)	(605.716.271)	(111.835.102.309)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	28.568.417.009	5.742.804.825	24.786.977.552	83.333.360	53.190.623.656
31/12/2023	27.062.600.417	9.210.503.342	23.271.144.457	73.333.364	53.626.672.490

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 57.948.898.863 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 60.175.424.430 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	521.575.000	521.575.000
31/12/2023	521.575.000	521.575.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	(48.599.320)	(48.599.320)
- Khấu hao trong năm	(10.414.140)	(10.414.140)
31/12/2023	(59.013.460)	(59.013.460)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	-	-
31/12/2023	462.561.540	462.561.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	8.364.925.200	8.364.925.200	1.758.699.242	1.758.699.242
- Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Minh Thụ	309.475.000	309.475.000	309.475.000	309.475.000
- Công ty Cổ phần Ô tô chuyên dùng Hiệp Hoà	160.000.000	160.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng HTC	350.702.630	350.702.630	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Trường Mạnh	190.397.606	190.397.606	282.425.442	282.425.442
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Khanh Vy Trần	1.023.752.101	1.023.752.101	241.031.410	241.031.410
- Công ty TNHH Thiết bị Máy HONGFA Việt Nam	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần xây dựng và thiết bị ECO	726.434.881	726.434.881	-	-
- Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Quận Hà Đông	43.610.000	43.610.000	43.610.000	43.610.000
- Công ty Cổ phần Hoàng Long HL610	632.709.480	632.709.480	-	-
- Công ty TNHH Tân Nhật Linh	617.877.000	617.877.000	-	-
- Các đối tượng khác	1.609.966.502	1.609.966.502	882.157.390	882.157.390
Cộng	8.364.925.200	8.364.925.200	1.758.699.242	1.758.699.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.197.715.502	9.200.254.829	10.396.139.033	1.001.831.298
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.489.942.074	3.093.935.610	1.489.942.074	3.093.935.610
- Thuế thu nhập cá nhân	18.681.450	548.401.767	510.901.261	56.181.956
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	920.466.472	771.383.634	149.082.838
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	6.704.000	6.704.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.907.855	5.446.596	461.259
	3.706.339.026	13.778.670.533	13.183.516.598	4.301.492.961
	01/01/2023	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng phải thu tại chi nhánh Hội An	-	8.700.673	-	8.700.673
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	106.080.780	-	106.080.780
	-	114.781.453	-	114.781.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	381.260.578	-	373.356.069	-
- Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Đà Nẵng	363.917.360	-	363.917.360	-
- Các đối tượng khác	17.343.218	-	9.438.709	-
Cộng	381.260.578	-	373.356.069	-

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Kinh phí công đoàn	396.098.236	346.049.092
- Lãi vay phải trả	2.123.988.854	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.734.829	103.696.982
+ Tiền ăn ca		-
+ Phải trả nhà Toan (Độ) tiền đền bù giải phóng mặt bằng đường NTN	114.018.209	103.696.982
+ Phải trả phải nộp khác	5.716.620	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	231.631.125	277.957.350
Cộng	2.871.453.044	727.703.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.864.703.637	10.864.703.637	6.508.307.973	2.325.934.000	-	-
- Ông Trần Văn Hùng (1)	-	-	2.325.934.000	2.325.934.000	-	-
- Ông Nguyễn Hoài Nam (1)	4.182.373.973	4.182.373.973	4.182.373.973	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Nam (2)	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (3)	182.329.664	182.329.664	182.329.664	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
	10.864.703.637	10.864.703.637	6.508.307.973	2.325.934.000	-	-

(1) Đây là khoản vay cá nhân, lãi suất 0%. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay theo từng đề xuất vay, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Vay ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng số L2202210131G ngày 23/09/2021. Thời hạn hợp đồng đến ngày 23/03/2022. Mục đích khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, bù đắp các khoản đã chi. Lãi suất cho vay là 9,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Vay ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng số 5/2021/25102/08.SME.HĐTD/060 ngày 19/03/2021. Hạn mức cho vay là 6.500.000.000 đồng bao gồm cả các khoản vay của hợp đồng số 5/2021/25102.08.SME.HĐTD. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay theo từng Giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên giấy nhận nợ. Hợp đồng được đảm bảo bằng bất động sản tọa lạc tại Thửa đất số 386, tờ bản đồ số 24, số 65 Bà Triệu, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH167660 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/07/2017. Số vào sổ cấp GCN: CS01687 chủ sở hữu là hộ Ông Trần Bá Toàn và Bà Võ Thị Xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
01/01/2022	47.879.100.000	55.699.577.900	18.496.775.925	-	122.075.453.825
- Lãi trong năm trước	-	-	7.052.036.292	-	7.052.036.292
- Phân phối lợi nhuận	-	3.556.033.084	(8.514.228.084)	-	(4.958.195.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(4.787.910.000)	-	(4.787.910.000)
+ Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	(170.285.000)	-	(170.285.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.556.033.084	(3.556.033.084)	-	-
31/12/2022	47.879.100.000	59.255.610.984	17.034.584.133	-	124.169.295.117
01/01/2023	47.879.100.000	59.255.610.984	17.034.584.133	-	124.169.295.117
- Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	10.781.319.915	(67.500.630)	10.713.819.285
- Tăng trong năm do hợp nhất	-	-	-	1.289.315.365	1.289.315.365
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	2.052.565.292	(7.052.036.292)	-	(4.999.471.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(4.787.910.000)	-	(4.787.910.000)
+ Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	(211.561.000)	-	(211.561.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.052.565.292	(2.052.565.292)	-	-
31/12/2023	47.879.100.000	61.308.176.276	20.763.867.756	1.221.814.735	131.172.958.767

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 ngày 27/04/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	12.209.920.000	12.209.920.000
- Ông Nguyễn Hoài Nam	5.027.390.000	5.027.390.000
- Ông Nguyễn Thế Thành	7.769.990.000	7.769.990.000
- Ông Trần Văn Hùng	3.139.640.000	3.139.640.000
- America LLC	6.516.240.000	6.516.240.000
- Vốn góp của cổ đông khác	13.215.920.000	13.215.920.000
Cộng	47.879.100.000	47.879.100.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	47.879.100.000	47.879.100.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	47.879.100.000	47.879.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.787.910.000	4.787.910.000

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.787.910	4.787.910
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.787.910	4.787.910
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.787.910	4.787.910
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.787.910	4.787.910
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	156.298.739.927	128.518.051.742
- Thu phí vệ sinh môi trường	11.010.667.292	19.582.065.206
- Doanh thu từ hoạt động công ích UBND quận Hà Đông	64.701.405.711	65.850.495.053
- Doanh thu từ hoạt động công ích khác	52.530.237.904	17.680.208.918
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.316.311.250	2.750.433.387
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển rác	11.184.306.373	10.971.821.573
- Doanh thu dịch vụ khác	14.555.811.397	11.683.027.605
Cộng	156.298.739.927	128.518.051.742

23. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	133.667.410.130	112.552.861.253
Cộng	133.667.410.130	112.552.861.253

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.780.407.720	1.318.433.266
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	173.258.971	175.314.519
Cộng	1.953.666.691	1.493.747.785

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	-	58.531.833
Cộng	-	58.531.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	10.080.240.716	6.797.787.381
- Chi phí nhân viên quản lý	7.609.173.130	5.103.827.883
- Chi phí vật liệu quản lý	13.627.272	52.640.547
- Chi phí đồ dùng văn phòng	106.735.499	71.021.551
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.313.949.492	1.304.572.991
- Thuế, phí và lệ phí	721.907.852	506.109.063
- Hoàn nhập/trích lập dự phòng quỹ tiền lương	(3.897.900.000)	(3.200.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.167.942	365.271.120
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại do hợp nhất	780.041.012	-
- Chi phí bằng tiền khác	3.328.538.517	2.594.344.226
Cộng	10.080.240.716	6.797.787.381

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	25.322.599.986	35.763.616.223
- Chi phí nhân công	63.789.627.931	63.287.419.205
- Khấu hao tài sản cố định	5.627.440.721	6.533.276.077
- Chi phí trích lập dự phòng	102.100.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.360.286	3.215.620.855
- Thuế, phí, lệ phí	721.907.852	505.109.063
- Chi phí bằng tiền khác	4.437.939.128	8.096.866.534
	100.702.975.904	117.401.907.957

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia vào sản xuất	570.293.906	349.151.508
- Các khoản bị phạt	9.000.000	178.976.018
- Chi phí khác	117.711.537	232.521.834
	697.005.443	760.649.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thuế TNDN tại Công ty mẹ	3.093.935.610	2.789.942.074
Thuế TNDN tại Công ty con	-	-
	3.093.935.610	2.789.942.074

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.713.819.285	7.052.036.292
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(211.561.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	4.787.910	4.787.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.238	1.429

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 chưa có số liệu để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023. Số liệu trích lập sẽ được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh do Công ty đã thực hiện Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 ngày 27/04/2023 ngày 26/06/2023 của Đại hội đồng Cổ đông.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 là 1.429 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 trước điều chỉnh là 1.473 VND/CP).

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2023 như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

và Tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT kiêm GD	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	56.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Thế Thành	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Lưu Thị Hồng Tường	Trưởng ban kiểm soát	16.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Phong	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	36.000.000
Ông Trần Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	32.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Tình	Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	-
Tổng		464.000.000	480.000.000

Tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

và Tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	407.600.000	345.600.000
g Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT kiêm GD	348.000.000	288.000.000
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	304.500.000	252.000.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	94.500.000	252.000.000
Bà Lưu Thị Hồng Tường	Trưởng ban kiểm soát	180.960.000	142.080.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	222.200.000	187.200.000
Ông Lê Văn Phong	Thành viên ban kiểm soát	182.880.000	161.280.000
Ông Trần Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	228.600.000	-
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên ban kiểm soát	157.865.000	-
Ông Nguyễn Văn Tình	Thành viên ban kiểm soát	207.800.000	-
Bà Lê Thị Bích Hồng	Kế toán trưởng	304.500.000	252.000.000
Tổng		2.639.405.000	1.880.160.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Giám đốc



Phạm Trung Thành

